

**CÔNG TY TNHH HOÀNG PHÁT PHÚC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HOÀNG PHÁT PHÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400741630

**3. Ngày thành lập:** 24/09/2014

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Toàn Mỹ, Thị trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 02403.502099

Fax: 02403.502099

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ uống                                                                              | 4633        |
| 2.  | Thu gom rác thải độc hại                                                                      | 3812        |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                | 4933        |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                       | 4663        |
| 5.  | Xây dựng nhà các loại                                                                         | 4100        |
| 6.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                     | 4210        |
| 7.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                    | 4290(Chính) |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                               | 4659        |
| 9.  | Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh          | 47732       |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                          | 5221        |
| 11. | Phá dỡ                                                                                        | 4311        |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                             | 4312        |
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                | 4330        |
| 14. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                           | 4390        |
| 15. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                           | 4511        |
| 16. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                | 4520        |
| 17. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận tải | 7730        |
| 18. | Cho thuê xe có động cơ                                                                        | 7710        |
| 19. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm         | 7810        |
| 20. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                    | 7820        |
| 21. | Điều hành tua du lịch                                                                         | 7912        |

|     |                                                                         |       |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|-------|
| 22. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí         | 4322  |
| 23. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống  | 4620  |
| 24. | Bán buôn hoa và cây                                                     | 46202 |
| 25. | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón                            | 0891  |
| 26. | Khai thác và thu gom than bùn                                           | 0892  |
| 27. | Dịch vụ liên quan đến in                                                | 1812  |
| 28. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                    | 4641  |
| 29. | Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan                             | 46613 |
| 30. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                      | 4652  |
| 31. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan            | 4661  |
| 32. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                        | 5610  |
| 33. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                      | 7830  |
| 34. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                   | 8121  |
| 35. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                  | 8129  |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu | 8299  |
| 37. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                       | 3900  |
| 38. | Lắp đặt hệ thống điện                                                   | 4321  |
| 39. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                   | 4543  |
| 40. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                     | 5229  |
| 41. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                | 3821  |
| 42. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                        | 4932  |
| 43. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác      | 4530  |
| 44. | Bán mô tô, xe máy                                                       | 4541  |
| 45. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                       | 4669  |
| 46. | Khách sạn                                                               | 55101 |
| 47. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                           | 3100  |
| 48. | Trồng cây ăn quả                                                        | 0121  |
| 49. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                           | 0150  |
| 50. | Trồng rừng và chăm sóc rừng                                             | 0210  |
| 51. | Khai thác quặng sắt                                                     | 0710  |
| 52. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                         | 0810  |
| 53. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                           | 1080  |
| 54. | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan                              | 3211  |
| 55. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh                          | 0118  |
| 56. | Chăn nuôi lợn                                                           | 0145  |
| 57. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                     | 4651  |

|     |                                                                                          |       |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 58. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                   | 4653  |
| 59. | Vận tải hành khách bằng taxi                                                             | 49312 |
| 60. | Bốc xếp hàng hóa                                                                         | 5224  |
| 61. | Bưu chính                                                                                | 5310  |
| 62. | Chuyển phát                                                                              | 5320  |
| 63. | Giáo dục mầm non                                                                         | 8510  |
| 64. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                            | 3700  |
| 65. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                        | 3600  |
| 66. | Thu gom rác thải không độc hại                                                           | 3811  |
| 67. | Chăn nuôi trâu, bò                                                                       | 0141  |
| 68. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                  | 1622  |
| 69. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | 1629  |
| 70. | Khai thác và thu gom than cứng                                                           | 0510  |
| 71. | Khai thác và thu gom than non                                                            | 0520  |
| 72. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                          | 1010  |
| 73. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                           | 1610  |
| 74. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                        | 1621  |
| 75. | Sao chép bản ghi các loại                                                                | 1820  |
| 76. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                | 4610  |
| 77. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                       | 4649  |
| 78. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                               | 3312  |
| 79. | Xây dựng công trình công ích                                                             | 4220  |
| 80. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                           | 4329  |
| 81. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                             | 4512  |
| 82. | Bán buôn cà phê                                                                          | 46324 |
| 83. | Khai thác gỗ                                                                             | 0221  |
| 84. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                             | 0240  |

**6. Vốn điều lệ:** 2.500.000.000 VNĐ

**7. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

**8. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | HKTT/Địa chỉ trụ sở chính                                              | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ(%) | Số CMND/HC/MSDN/QĐ |
|-----|----------------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|--------------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ YẾN | Thôn Toàn Mỹ, Thị trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | 1.000.000.000         | 40,00    | 121807667          |
| 2   | HOÀNG MINH TÚ  | Thôn Toàn Mỹ, Thị trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | 1.500.000.000         | 60,00    | 121215293          |

**9. Người đại diện theo pháp luật của công ty:**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ YẾN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Ngày sinh: 15/10/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 121807667

Ngày cấp: 18/07/2005

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

*Thôn Toàn Mỹ, Thị trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại:

*Thôn Toàn Mỹ, Thị trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

**10. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang